

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2024
V/v Kiện xin ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Chiến, Ông Vũ Kim Quy.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà Hđok Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về “*Kiện xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Phương T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Phương T trình bày:**

Chị T kết hôn với anh Lê Văn Q trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào ngày 14/12/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng hay cãi vã, anh Q hay đánh đập chị T và không quan tâm đến vợ con, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện hai người đã sống ly thân. Nhận thấy giữa chị và anh Q không còn tình cảm, không

còn thương yêu nhau, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn Q.

Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung, là Lê Gia B, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2019, hiện cháu đang sống với anh Q. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn Q, quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn anh Lê Văn Q không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Phương T, chị T được ly hôn anh Lê Văn Q.

+ Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung, là Lê Gia B, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2019, hiện cháu đang sống với anh Q. Khi ly hôn, chị T không tranh chấp về con chung nên cần giao cháu B cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Phương T khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn Q. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Kiến xin ly hôn*”. Bị đơn anh Lê Văn Q, trú tại thôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lê Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Văn Q vắng mặt trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Phương T và anh Lê Văn Q đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/12/2020, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Hiện anh chị đã sống ly thân.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, vợ chồng chị T, anh Q đã phát sinh mâu thuẫn, hiện hai người đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, chị T được ly hôn anh Q là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị T và anh Q có 01 con chung, là Lê Gia B, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2019, hiện đang sống với anh Q. Khi ly hôn, chị T không tranh chấp về con chung, đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu B cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Phía chị T đồng ý giao con chung cho anh Q nuôi dưỡng nhưng đề nghị không xem xét đến việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con và trong vụ án này chị T đang là người có nghĩa vụ, do đó cần buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là phù hợp và đảm bảo quyền lợi cho cháu B.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Phương T.

1/ *Về hôn nhân*: Chị Lê Phương T được ly hôn anh Lê Văn Q.

2/ *Về con chung*: Chị Lê Phương T và anh Lê Văn Q có 01 con chung, tên là Lê Gia B, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2019.

Giao cháu Lê Gia B cho anh Lê Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Lê Phương T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Gia B, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2019, mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng cho một tháng) cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi.

Chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở.

4/ *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ *Về án phí*: Chị Lê Phương T phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 8278 ngày 04 tháng 3 năm 2024. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6/ *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Anh Tuấn